

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **244** /2025/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày **20** tháng **12** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại thành phố Hải Phòng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ về Quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương;

Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg ngày 26/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại; Thông tư số 40/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại;

Căn cứ Thông tư số 45/2025/TT-BTC ngày 18/06/2025 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại và Chương trình cấp quốc gia về xây dựng, phát triển thương hiệu;



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương thành phố tại Tờ trình số 6697/TTr-SCT ngày 05/12/2025;

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 31/12/2025.

2. Bãi bỏ các Quyết định sau:

a) Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 14/04/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về Ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại thành phố Hải Phòng.

b) Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành Quy định xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại tỉnh Hải Dương.

c) Quyết định số 52/2025/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành Quy định xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại tỉnh Hải Dương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài Chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND TP;
- Đoàn ĐBQH TP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- VP TU;
- Sở Tư pháp;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Công TTĐT thành phố; Báo và phát thanh, truyền hình Hải Phòng; Công báo thành phố;
- Lưu: VT, XDCT, N.T.Linh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Minh Cường



QUY CHẾ

Xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại thành phố Hải Phòng

(Ban hành kèm theo Quyết định số **244 / 2025** QĐ-UBND)

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại của thành phố Hải Phòng (sau đây gọi tắt là Chương trình).
2. Quy chế áp dụng đối với các đơn vị chủ trì xây dựng Chương trình, các đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình, các đơn vị tham gia thực hiện Chương trình, cơ quan quản lý Chương trình và cơ quan cấp kinh phí hỗ trợ.

Điều 2. Mục tiêu Chương trình

1. Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại của thành phố Hải Phòng, phát triển ngoại thương, tập trung thúc đẩy thị trường tiêu dùng trên địa bàn thành phố, đặc biệt tại các khu vực nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và hải đảo.
2. Hỗ trợ các thành phần kinh tế trên địa bàn thành phố nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh, tăng cường đổi mới sáng tạo và phát huy lợi thế cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế; hỗ trợ xây dựng và quảng bá thương hiệu sản phẩm nhằm gia tăng sức cạnh tranh của sản phẩm xuất khẩu.
3. Tăng cường liên kết giữa các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư và du lịch của thành phố, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững và nâng cao vị thế của thành phố Hải Phòng trên thị trường trong nước và quốc tế.

Điều 3. Đơn vị chủ trì xây dựng và thực hiện Chương trình

1. Đơn vị chủ trì xây dựng Chương trình, gồm: Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị được giao chức năng quản lý nhà nước có liên quan.
2. Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình là các tổ chức xúc tiến thương mại trên địa bàn thành phố có kế hoạch xúc tiến thương mại đáp ứng mục tiêu,

điều kiện của Quy chế này và được thủ trưởng cơ quan chủ trì xây dựng Chương trình thẩm định, phê duyệt, đưa vào kế hoạch thực hiện dự toán ngân sách nhà nước hàng năm. Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Có tư cách pháp nhân;
- b) Có khả năng huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện Chương trình;
- c) Có kinh nghiệm, năng lực trong việc tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại;
- d) Thực hiện Chương trình nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng và không nhằm mục đích lợi nhuận.

3. Các đơn vị chủ trì được tiếp nhận kinh phí hỗ trợ để triển khai thực hiện Chương trình và có trách nhiệm quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 4. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình

1. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình là các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, hợp tác xã và các tổ chức xúc tiến thương mại Việt Nam được thành lập theo quy định pháp luật hiện hành.

Các đơn vị tham gia thực hiện Chương trình được hỗ trợ kinh phí thông qua Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình theo từng nội dung xúc tiến quy định tại Quy chế này. Trường hợp có nhiều mức hỗ trợ đối với từng hoạt động được quy định tại nhiều văn bản khác nhau, đơn vị tham gia thực hiện chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất.

2. Các đơn vị tham gia thực hiện Chương trình phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thành phố Hải Phòng;
- b) Có ngành nghề, lĩnh vực hoạt động phù hợp với quy định của từng Chương trình xúc tiến cụ thể do các Đơn vị chủ trì xây dựng Chương trình thực hiện.

Điều 5. Cơ quan quản lý nhà nước đối với Chương trình

Sở Công Thương là cơ quan đầu mối quản lý Chương trình, chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ triển khai Chương trình theo quy định.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình

- 1. Nguồn ngân sách thành phố cấp cho Sở Công Thương hàng năm.

2. Đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp tham gia Chương trình.
3. Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
4. Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

Chương II

XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI PHÁT TRIỂN NGOẠI THƯƠNG

Điều 7. Kết nối giao thương, tham gia hệ thống phân phối ở nước ngoài và tại thành phố Hải Phòng

1. Nội dung hỗ trợ

a) Tổ chức hội chợ, triển lãm quốc tế ở nước ngoài và tại thành phố Hải Phòng đối với các sản phẩm xuất khẩu; tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm tại thành phố Hải Phòng đối với các sản phẩm, nguyên liệu, thiết bị nhập khẩu phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu, sản phẩm công nghệ, nguyên liệu đầu vào phục vụ hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

b) Tổ chức, tham gia các hoạt động giao thương, kết nối, truyền thông, quảng bá trên môi trường mạng;

c) Tổ chức đoàn khảo sát thị trường, giao dịch với tổ chức, doanh nghiệp ở nước ngoài;

d) Tổ chức đón tiếp và hỗ trợ đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào thành phố Hải Phòng tham gia hội chợ, triển lãm, khảo sát thị trường và giao dịch với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố;

đ) Tổ chức hội nghị quốc tế tại thành phố Hải Phòng về ngành hàng xuất khẩu.

2. Mức hỗ trợ

Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí áp dụng cho các hoạt động xúc tiến thương mại quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 8. Hỗ trợ phát triển logistics phục vụ hoạt động ngoại thương

1. Nội dung hỗ trợ

a) Tổ chức, tham gia hội nghị, hội chợ, triển lãm ở nước ngoài về logistics;

b) Mời đoàn doanh nghiệp vào thành phố Hải Phòng trao đổi về cơ hội đầu tư, hợp tác về phát triển dịch vụ logistics;

c) Tổ chức diễn đàn logistics Hải Phòng, tổ chức hội chợ triển lãm quốc tế về logistics tại thành phố Hải Phòng.

2. Mức hỗ trợ

Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí áp dụng cho các hoạt động xúc tiến thương mại quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 9. Hoạt động hỗ trợ nghiên cứu, phát triển, nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa

1. Nội dung hỗ trợ

a) Xây dựng và phát hành thông tin, cơ sở dữ liệu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường; hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, áp dụng và tuân thủ các quy định tiêu chuẩn, điều kiện của các tổ chức nhập khẩu, cam kết quốc tế về sản phẩm xuất khẩu, nhập khẩu;

b) Tổ chức và tham gia các Chương trình khảo sát, tìm hiểu thông tin về sản phẩm, ngành hàng, thị trường;

c) Hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn trong nước và nước ngoài cung cấp thông tin về phát triển sản phẩm, ngành hàng, thị trường;

d) Đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức nâng cao năng lực thiết kế, phát triển sản phẩm xuất khẩu cho các doanh nghiệp và các nhà thiết kế;

đ) Tổ chức hoạt động tư vấn, thuê chuyên gia tư vấn, hỗ trợ thực hiện thiết kế, phát triển sản phẩm;

e) Tổ chức hoạt động kết nối giữa doanh nghiệp với các nhà thiết kế;

g) Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thiết kế phát triển sản phẩm;

h) Tổ chức tuyên truyền quảng bá.

2. Mức hỗ trợ

Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí áp dụng cho các hoạt động xúc tiến thương mại quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 10. Đào tạo, nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, phát triển thị trường

1. Nội dung hỗ trợ

a) Đào tạo, tập huấn, tư vấn, nâng cao năng lực (trực tiếp và trực tuyến) về các nội dung:

- Tìm kiếm, thu thập và xử lý thông tin thương mại, khảo sát và nghiên cứu thị trường, ngành hàng xuất khẩu;

- Xây dựng và triển khai chiến lược marketing xuất khẩu, nhập khẩu;

- Xây dựng và quảng bá thương hiệu cho các ngành hàng xuất khẩu tiềm năng, nâng cao năng lực xây dựng và quảng bá nhãn hiệu sản phẩm;

- Tổ chức và tham gia các Chương trình xúc tiến thương mại, hội nghị, hội chợ, triển lãm, giao dịch;

- Tổ chức và tham gia các hoạt động, kết nối giao thương, tham gia hệ thống phân phối, bao gồm cả các hoạt động giao thương, kết nối thông qua các sàn giao dịch thương mại điện tử, cổng thông tin điện tử, mạng internet, mạng viễn thông;

- Đàm phán, ký kết, thực hiện hợp đồng; xử lý tranh chấp thương mại quốc tế;

- Thiết kế phát triển sản phẩm đáp ứng nhu cầu của thị trường;

- Năng lực, kỹ năng xúc tiến thương mại khác do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

b) Xây dựng và phát hành các ấn phẩm, tài liệu đào tạo, tập huấn, tư vấn, nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, phát triển thị trường.

2. Mức hỗ trợ

Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí áp dụng cho các hoạt động xúc tiến thương mại quy định tại Khoản 1 Điều này.

Chương III

XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Điều 11. Tổ chức hội chợ, triển lãm tại thành phố Hải Phòng

1. Nội dung hỗ trợ:

a) Thuê, chuẩn bị mặt bằng, thiết kế và dàn dựng gian hàng.

b) Trang trí chung của hội chợ, triển lãm: nhà bạt chỗ ngồi đại biểu, sân khấu, cổng chính, cổng phụ, pano giới thiệu, khu vực ban tổ chức, khu vực kỹ thuật.

c) Dịch vụ phục vụ: điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy, y tế nếu không nằm trong chi phí thuê mặt bằng tại điểm a khoản 1 Điều này.

d) Tuyên truyền, quảng bá hội chợ trên các phương tiện thông tin đại chúng, trực quan và các hình thức khác theo quy định.

đ) Tổ chức khai mạc, bế mạc hội chợ, triển lãm.

e) Chi phí quản lý của đơn vị chủ trì thực hiện (nếu có) gồm: phí thẩm định giá, phí đấu thầu, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm, thuê phương tiện đi lại hoặc nhiên liệu xe công tác, dịch vụ sử dụng đường bộ, nhân công phục vụ.

2. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% kinh phí áp dụng cho các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 12. Tổ chức chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, các khu, cụm công nghiệp

1. Nội dung hỗ trợ:

a) Thuê, chuẩn bị mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng.

b) Trang trí chương trình, gồm: nhà bạt, sân khấu, cổng, pano giới thiệu, khu ban tổ chức.

c) Tuyên truyền, quảng bá giới thiệu chương trình.

d) Dịch vụ điện, nước, vệ sinh, an ninh, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ nếu không nằm trong chi phí thuê mặt bằng tại điểm a khoản 1 Điều này.

đ) Vận chuyển hàng hóa cho các đơn vị tham gia (nếu có).

e) Tổ chức khai mạc, bế mạc chương trình.

f) Tổ chức ca nhạc, biểu diễn văn nghệ cho chương trình.

g) Chi phí quản lý của đơn vị chủ trì thực hiện (nếu có) gồm: phí thẩm định giá, phí đấu thầu, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm, thuê phương tiện đi lại hoặc nhiên liệu xe công tác, dịch vụ sử dụng đường bộ, nhân công phục vụ.

2. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 70% kinh phí áp dụng cho các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 13. Tổ chức đoàn nghiên cứu thị trường trong nước

1. Nội dung hỗ trợ:

a) Chi phí đi lại.

b) Phụ cấp lưu trú.

c) Tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác

2. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí áp dụng cho các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 14. Điều tra, khảo sát và thu thập thông tin thống kê về nhu cầu sản phẩm, ngành hàng, thị trường

1. Nội dung hỗ trợ:

a) Chi xây dựng phương án điều tra thống kê và lập mẫu phiếu điều tra thống kê.

b) Chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra thống kê.

c) Chi in tài liệu hướng dẫn điều tra thống kê, phiếu điều tra thống kê, biểu mẫu điều tra thống kê;

d) Chi tiền công.

đ) Chi công tác kiểm tra, giám sát hoạt động điều tra thống kê, phúc tra phiếu điều tra thống kê.

e) Chi cho đối tượng cung cấp thông tin;

g) Chi vận chuyển tài liệu điều tra thống kê, thuê xe phục vụ điều tra thống kê thực địa.

h) Chi xử lý kết quả điều tra thống kê.

i) Các khoản chi khác liên quan đến cuộc điều tra thống kê, bao gồm: Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, xăng xe; Làm ngoài giờ.

2. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí áp dụng cho các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 15. Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn, chương trình nhằm tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa và dịch vụ Việt Nam đến người tiêu dùng trong nước

1. Nội dung hỗ trợ

a) Thuê hạ tầng dịch vụ tổ chức sự kiện.

b) Tổ chức gian hàng, khu vực trưng bày triển lãm, giới thiệu sản phẩm bên lề hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn: Thiết kế, dàn dựng, thiết bị và trang trí.

c) Dịch vụ phục vụ: điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy, y tế nếu không nằm trong chi phí thuê hạ tầng dịch vụ tổ chức sự kiện tại điểm a khoản 1 Điều này.

d) Tuyên truyền, quảng bá sự kiện trên các phương tiện thông tin đại chúng, trực quan và các hình thức khác theo quy định.

đ) Vận chuyển tư liệu và hàng hóa trưng bày tại sự kiện.

e) Tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì thực hiện (nếu có) gồm: phí thẩm định giá, phí đấu thầu, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm, thuê phương tiện đi lại hoặc nhiên liệu xe công tác, dịch vụ sử dụng đường bộ, nhân công phục vụ.

2. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí áp dụng cho các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 16. Tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại trong nước: Tháng khuyến mại, tuần hàng Việt Nam, chương trình “hàng Việt”, Chương trình giới thiệu sản phẩm mới

1. Nội dung hỗ trợ:

a) Tổ chức Lễ phát động, khai mạc, bế mạc và các sự kiện liên quan trong khuôn khổ sự kiện.

b) Thuê mặt bằng, gian hàng tổ chức sự kiện.

c) Tổ chức gian hàng, khu vực trưng bày triển lãm, giới thiệu sản phẩm: Thiết kế, dàn dựng, thiết bị và trang trí.

d) Dịch vụ phục vụ: điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy, y tế nếu không nằm trong chi phí thuê mặt bằng tại điểm b khoản 1 Điều này.

đ) Tuyên truyền, quảng bá sự kiện trên các phương tiện thông tin đại chúng, trực quan và các hình thức khác theo quy định.

e) Vận chuyển tư liệu và hàng hóa trưng bày tại sự kiện.

g) Tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì thực hiện (nếu có) gồm: phí thẩm định giá, phí đấu thầu, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm, thuê phương tiện đi lại hoặc nhiên liệu xe công tác, dịch vụ sử dụng đường bộ, nhân công phục vụ.

2. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% kinh phí áp dụng cho các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 17. Đào tạo, tập huấn ngắn hạn về kỹ năng kinh doanh và phát triển thị trường trong nước

1. Nội dung hỗ trợ:

a) Chi tổ chức các hội nghị tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ.

b) Chi tổ chức các lớp bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức trong nước.

2. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí áp dụng cho các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

CHƯƠNG IV

XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI MIỀN NÚI VÀ HẢI ĐẢO

Điều 18. Phát triển hệ thống phân phối hàng Việt tại miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, hải đảo

1. Nội dung hỗ trợ:

a) Trang thiết bị phục vụ hoạt động bán hàng (kệ trưng bày, tủ bảo quản hàng hóa, thiết bị thanh toán, biển hiệu nhận diện).

b) Tổ chức hoạt động quảng bá, truyền thông, giới thiệu hệ thống phân phối hàng Việt, xây dựng nhận diện điểm bán hàng Việt Nam.

c) Chi phí quản lý của đơn vị chủ trì thực hiện (nếu có) gồm: phí thẩm định giá, phí đấu thầu, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm, thuê phương tiện đi lại hoặc nhiên liệu xe công tác, dịch vụ sử dụng đường bộ, nhân công phục

vụ.

2. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí áp dụng cho các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 19. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, tiêu thụ hàng hóa, đặc biệt là nông sản của khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc, hải đảo

1. Nội dung hỗ trợ:

- a) Thuê, chuẩn bị mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng.
- b) Trang trí chương trình, gồm: nhà bạt, sân khấu, cổng, pano giới thiệu, khu ban tổ chức.
- c) Vận chuyển hàng hóa cho đơn vị tham gia.
- d) Tổ chức khai mạc, bế mạc chương trình.
- đ) Dịch vụ phục vụ: điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy, y tế nếu không nằm trong chi phí thuê mặt bằng, gian hàng tại điểm a khoản 1 Điều này.
- e) Tổ chức ca nhạc, biểu diễn văn nghệ cho chương trình.
- g) Chi phí tuyên truyền, quảng bá: Tư vấn, thiết kế xây dựng nội dung, chiến lược truyền thông, tư vấn phát triển thương hiệu; Truyền thông, quảng bá trên báo in, báo điện tử, phát thanh, truyền hình, ấn phẩm, trên các mạng xã hội và các hình thức hợp pháp theo quy định; Tổ chức hội nghị, hội thảo kết nối giao thương, giới thiệu sản phẩm.
- h) Tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì thực hiện (nếu có) gồm: phí thẩm định giá, phí đấu thầu, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm, thuê phương tiện đi lại hoặc nhiên liệu xe công tác, dịch vụ sử dụng đường bộ, nhân công phục vụ.

2. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí áp dụng cho các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Công Thương

- 1. Chủ trì hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy chế này.
- 2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan giám sát, kiểm tra việc thực hiện Chương trình, bảo đảm Chương trình được thực hiện theo đúng yêu cầu, mục tiêu, nội dung, tiến độ và quy định của pháp luật.

3. Căn cứ các Chương trình của đơn vị chủ trì xây dựng gửi, Sở Công Thương xây dựng dự toán kinh phí Chương trình xúc tiến thương mại thành phố và tổng hợp chung trong dự toán của Sở, gửi Sở Tài chính tổng hợp, đưa vào kế hoạch ngân sách thành phố hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

4. Chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện Chương trình hàng năm trước ngày 31 tháng 01 năm sau.

5. Không tiếp nhận Chương trình trong năm tiếp theo đối với Đơn vị chủ trì vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 23, Điều 24 của Quy chế này.

Điều 21. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Trên cơ sở đề xuất của Sở Công Thương, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách, Sở Tài chính tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố cân đối, bố trí kinh phí thực hiện Chương trình theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Tham gia ý kiến về dự toán kinh phí thực hiện Chương trình trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ.

Điều 22. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì xây dựng Chương trình

1. Trước ngày 01 tháng 6 hàng năm, các đơn vị chủ trì xây dựng Chương trình cho năm tiếp theo gửi Sở Công Thương để tổng hợp, thẩm định nội dung và dự toán kinh phí.

2. Các đơn vị chủ trì phải báo cáo tình hình và tiến độ thực hiện Chương trình; đánh giá kết quả thực hiện Chương trình, kiến nghị đề xuất (nếu có) gửi về Sở Công Thương trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

Điều 23. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình

1. Tổ chức thực hiện các Chương trình đã được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ và dự toán được phê duyệt; đảm bảo sử dụng kinh phí tiết kiệm, có hiệu quả và chịu trách nhiệm về nội dung chi theo đúng chế độ tài chính hiện hành.

2. Có trách nhiệm báo cáo tình hình, kết quả thực hiện của đơn vị và kiến nghị đề xuất (nếu có) về đơn vị chủ trì xây dựng Chương trình trước ngày 10 tháng 12 hàng năm để tổng hợp báo cáo Sở Công Thương.

3. Tổng hợp và thanh quyết toán các khoản chi hỗ trợ từ kinh phí thực hiện Chương trình hàng năm đối với các hoạt động do đơn vị mình thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

4. Cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin trung thực liên quan đến tình hình thực hiện Chương trình và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát

theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Trách nhiệm của đơn vị tham gia thực hiện Chương trình

1. Phối hợp với đơn vị chủ trì, tổ chức thực hiện Chương trình theo quy định.
2. Có trách nhiệm báo cáo tình hình, kết quả thực hiện của đơn vị và kiến nghị đề xuất (nếu có) về đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình trước ngày 05 tháng 12 hàng năm để tổng hợp báo cáo Sở Công Thương.
3. Cung cấp đầy đủ chứng từ và chịu trách nhiệm về nội dung chi phí; phối hợp chặt chẽ với đơn vị chủ trì thực hiện thanh quyết toán sau khi Chương trình kết thúc theo quy định./.

